

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 23/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28-5-2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
và cấp dưỡng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngân

2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kỳ – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Như Mai Trang - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Chí K, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 9 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Chí K trình bày:

Về hôn nhân: Ông K tự nguyện chung sống với bà Nguyễn Thị Minh T và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L vào năm 2022. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Nay nhận thấy không thể tiếp tục sống chung được nữa nên ông K xin ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông K và bà T có 01 con tên Trần Khánh D, sinh ngày 11/9/2021. Con sống chung với bà T từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Khi

ly hôn, ông K giao con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Ngoài ra ông K và bà T không có con nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông K cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ, tính từ ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông K và bà T không có tài sản chung.

Về nợ: Không có

Do ở xa không thể đến Tòa án tham gia tố tụng nên ông K có đơn xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết, xét xử vụ án.

Tại bản tự khai ngày 10/4/2024 bị đơn bà Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T thống nhất với ông K về quan hệ hôn nhân, thời gian phát sinh mâu thuẫn, và thời gian sống ly thân. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau và ngoại tình, cuộc sống không hạnh phúc. Nay vợ chồng không thể tiếp tục sống chung được nữa nên bà T đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của ông K.

Về con chung: Thống nhất có 01 con chung tên Trần Khánh D, sinh ngày 11/9/2021. Khi ly hôn, bà T đồng ý tiếp tục nuôi con. Ngoài ra, vợ chồng không có con nuôi, hiện bà T cũng không mang thai

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T đồng ý ông K cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ, thống nhất thời gian cấp dưỡng bắt đầu tính từ ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ: Không nợ ai cũng không ai nợ lại.

Bà T có đơn xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết, xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội Đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Trần Chí Khánh và bà Nguyễn Thị Minh T.

+ Về con chung: Giao con tên Trần Khánh D, sinh ngày 11/9/2021 cho bà T nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Ông K cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng, tính từ ngày 28/5/2024 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi)

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có nên không đề nghị HĐXX xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Ông Trần Chí K có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết về nuôi con chung với bà Nguyễn Thị Minh T nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét bà T cư trú tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông K và bà T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 02/2022 ngày 11/01/2022 của Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông K và bà T là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của ông K Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của ông K và bà T trong quá trình giải quyết vụ án thì các đương sự thống nhất đã phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2023. Về Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và thừa nhận đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, nay bà T cũng đồng ý ly hôn với ông K. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Như vậy, có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa ông K và bà T đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông K.

[4] Về con chung: Ông K và bà T có 01 con chung tên Trần Khánh D, sinh ngày 11/9/2021. Con sống chung với bà T từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, ông K và bà T đều thống nhất bà T là người tiếp tục nuôi dưỡng con, xét thấy cháu D dưới 36 tháng tuổi nên giao con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông K và bà T đều thống nhất ông K cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét nội dung thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông K và bà T khai không có nên không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông K phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Về án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mặc dù ông K, bà T thống nhất mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nhưng không có văn bản, ý kiến yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án nên ông K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ. Bà T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Chí K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Trần Chí K và bà Nguyễn Thị Minh T.

2. Về con chung: Giao con tên Trần Khánh D, sinh ngày 11/9/2021 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên theo luật định.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông K cấp dưỡng nuôi con Trần Khánh D hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 28/5/2024 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có

5. Về án phí: Buộc ông K chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0006146 ngày 20/3/2024. Sau khi khấu trừ ông K còn phải nộp thêm số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

6. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

7. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự

8. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND thị trấn L;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Khánh Duyên